

Số : 301/XMHV- TCKT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 3 năm 2017

THÔNG BÁO

V/v công bố thông tin Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải Vân
Trụ sở chính: 65 Nguyễn Văn Cừ, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0236. 3842172 Fax: 0236. 3842441
Người thực hiện công bố thông tin: Trương Văn Tuấn
Địa chỉ thường trú: Số 09 Lê Độ, TP. ĐN
Điện thoại: 0905277747/ 0236. 3842529
Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân xin thông báo về Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2016 của kiểm toán độc lập. (Kèm theo BCTC của kiểm toán độc lập) và giải trình số liệu Báo cáo quyết toán năm 2016 trước và sau khi được kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận :
-Như trên;
-Website;
- Lưu.



Trương Văn Tuấn

Số : ...302./XMHV-TCKT
V/v Giải trình chênh lệch số liệu trước và sau
kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính năm 2016

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 3 năm 2017

**Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

Tên đơn vị: Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân
Trụ sở chính: 65 Nguyễn Văn Cừ - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0236.3842172 - 0236.3842529 Fax: 0236.3842441
Mã chứng khoán: HVX

Căn cứ Báo cáo tài chính quý 4 năm 2016 Công ty lập ngày 20 tháng 01 năm 2017 đã công bố thông tin;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân xin giải trình về việc chênh lệch kết quả kinh doanh năm 2016, trước và sau Kiểm toán soát xét:

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Trước soát xét	Sau soát xét	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	934.478.296.910	935.136.584.039	100,07
2	Tổng chi phí	914.068.646.018	914.834.510.569	100,08
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.409.650.892	20.302.073.470	99,47
4	Chi phí thuế TNDN	4.535.173.161	2.468.816.085	54,44
5	Lợi nhuận sau thuế	15.874.477.731	17.833.257.385	112,34

Nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến việc tăng lợi nhuận sau thuế của Công ty từ 15.874.477.731 đồng lên 17.833.257.385 đồng, chủ yếu là do hoạt động sáp nhập Công ty cổ phần đá xây dựng Hòa Phát vào Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân tại ngày 30/6/2016. Theo đó, Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân được chuyển lỗ lũy kế từ Công ty cổ phần đá xây dựng Hòa Phát, nên chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được điều chỉnh giảm sau soát xét, làm thay đổi lợi nhuận sau thuế năm 2016.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC, TCKT.



Trần Văn Khôi

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Building a better
working world

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 51

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo quyết định số 367/QĐ-BXD ngày 9 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất số 0400101235 ngày 13 tháng 7 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm từ xi măng.

Công ty có trụ sở chính tại số 65, Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có đăng ký ba chi nhánh là:

- ▶ Nhà máy Xi măng Vạn Ninh tại thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;
- ▶ Xí nghiệp Tiêu thụ tại tổ 24 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; và
- ▶ Xí nghiệp Đá xây dựng Hòa Phát tại 185 Lê Trọng Tấn, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hồng Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2016
Bà Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Văn Khôi	Thành viên	
Ông Hồ Xuân Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2016
Ông Đinh Ngọc Châu	Thành viên	Từ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2016
Ông Trịnh Tường	Thành viên	
Ông Bùi Viết Minh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Lệ Hà	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016
Ông Trịnh Ngọc Thắng	Trưởng Ban	Từ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016
Ông Hoàng Xuân Thịnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2016

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Xuân Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Văn Bông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Văn Khôi, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61119178/18489993

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2013-004-1



Ngô Thị Phương Nhung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3069-2014-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		258.169.488.644	230.983.940.973
110	I. Tiền	5	14.157.737.820	26.361.313.603
111	1. Tiền		14.157.737.820	26.361.313.603
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		117.860.313.860	90.881.683.710
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	113.173.917.933	85.958.596.961
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.439.400.000	1.374.900.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-	5.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	14.116.219.423	6.999.458.070
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(10.869.223.496)	(8.451.271.321)
140	III. Hàng tồn kho	10	121.690.241.806	111.002.476.708
141	1. Hàng tồn kho		121.690.241.806	111.002.476.708
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.461.195.158	2.738.466.952
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.125.000.004	827.104.155
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16	2.842.185.046	1.752.651.310
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	494.010.108	158.711.487
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		798.962.069.113	837.068.785.487
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		233.104.055	206.390.889
216	1. Phải thu dài hạn khác		233.104.055	206.390.889
220	II. Tài sản cố định		749.078.964.652	786.317.099.931
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	744.395.578.932	781.435.597.851
222	Nguyên giá		1.184.116.426.968	1.157.264.745.644
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(439.720.848.036)	(375.829.147.793)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.683.385.720	4.881.502.080
228	Nguyên giá		5.523.713.418	5.523.713.418
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(840.327.698)	(642.211.338)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		13.307.518.095	13.197.343.078
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	13.307.518.095	13.197.343.078
260	IV. Tài sản dài hạn khác		36.342.482.311	37.347.951.589
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	36.342.482.311	37.347.951.589
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.057.131.557.757	1.068.052.726.460


Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		609.227.779.381	645.676.745.469
310	I. Nợ ngắn hạn		305.487.086.717	259.264.686.580
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	190.321.121.091	95.524.081.225
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		259.099.408	1.551.497.476
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	685.209.892	3.485.835.409
314	4. Phải trả người lao động		21.248.033.302	18.407.476.791
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	10.656.051.409	7.114.623.399
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.806.264.526	708.099.187
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	79.668.987.939	131.915.486.749
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		588.748.030	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		253.571.120	557.586.344
330	II. Nợ dài hạn		303.740.692.664	386.412.058.889
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	303.510.000.000	386.206.668.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		230.692.664	205.390.889
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		447.903.778.376	422.375.980.991
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	447.903.778.376	422.375.980.991
411	1. Vốn cổ phần		415.252.500.000	399.600.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		415.252.500.000	399.600.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(872.834.866)	3.665.134
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.233.797.232	4.233.797.232
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.290.316.010	18.538.518.625
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		17.718.058.625	10.413.936.703
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		11.572.257.385	8.124.581.922
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.057.131.557.757	1.068.052.726.460


 Người lập
Trương Văn Tuấn


 Phụ trách kế toán
Trương Văn Tuấn


 Tổng Giám đốc
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam


Ngày 15 tháng 3 năm 2017


Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	959.494.060.305	888.573.171.900
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	(27.535.192.120)	(57.189.370.474)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	931.958.868.185	831.383.801.426
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(829.079.674.370)	(728.167.513.069)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		102.879.193.815	103.216.288.357
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		208.273.641	678.613.983
22	7. Chi phí tài chính	23	(37.277.391.694)	(52.541.987.162)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(37.275.776.295)	(39.244.308.651)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(17.908.137.170)	(17.916.235.495)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(27.480.721.492)	(25.322.465.301)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.421.217.100	8.114.214.382
31	11. Thu nhập khác		2.969.442.213	1.515.803.507
32	12. Chi phí khác		(3.088.585.843)	(127.574.759)
40	13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác		(119.143.630)	1.388.228.748
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.302.073.470	9.502.443.130
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(2.468.816.085)	(1.377.861.208)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.833.257.385	8.124.581.922
70	17. Lãi trên cổ phiếu	29	436	183
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	436	183


 Người lập
 Trương Văn Tuấn


 Phụ trách kế toán
 Trương Văn Tuấn


Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		20.302.073.470	9.502.443.130
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		48.854.387.506	48.202.400.583
03	Các khoản dự phòng		1.926.347.622	(1.686.157.527)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.364.937)	(334.568)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(208.273.641)	(829.313.983)
06	Chi phí lãi vay	23	37.275.776.295	39.244.308.651
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		108.148.946.315	94.433.346.286
09	Tăng các khoản phải thu		(31.294.351.817)	(17.434.857.973)
10	Tăng hàng tồn kho		(5.628.421.590)	(17.231.226.094)
11	Tăng các khoản phải trả		90.253.870.471	13.596.842.524
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		788.060.173	(33.958.670.377)
14	Tiền lãi vay đã trả		(34.595.294.773)	(44.174.684.250)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.136.338.329)	(422.326.225)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		123.536.470.450	(5.191.576.109)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.042.416.454)	(25.907.880.000)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	150.700.000
23	Tiền chi cho vay		-	(5.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		5.000.000.000	10.000.000.000
27	Tiền thu từ hoạt động đầu tư		244.172.095	678.613.983
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(798.244.360)	(20.078.566.017)

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		567.071.053.769	1.284.063.154.080
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(702.014.220.579)	(1.297.243.853.888)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(134.943.166.810)	(13.180.699.808)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.204.940.720)	(38.450.841.934)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.361.313.603	64.811.820.969
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.364.937	334.568
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	14.157.737.820	26.361.313.603


Người lập
Trương Văn Tuấn

Phụ trách kế toán
Trương Văn TuấnTổng Giám đốc
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Xi măng Hải Vân) theo quyết định số 367/QĐ-BXD ngày 9 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh số</u>	<u>Ngày cấp</u>
0400101235 (thay đổi lần thứ nhất)	Ngày 20 tháng 4 năm 2010
0400101235 (thay đổi lần thứ 2)	Ngày 19 tháng 7 năm 2011
0400101235 (thay đổi lần thứ 3)	Ngày 10 tháng 6 năm 2013
0400101235 (thay đổi lần thứ 4)	Ngày 24 tháng 1 năm 2014
0400101235 (thay đổi lần thứ 5)	Ngày 14 tháng 1 năm 2015
0400101235 (thay đổi lần thứ 6)	Ngày 13 tháng 7 năm 2016

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm từ xi măng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 65, Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có đăng ký ba chi nhánh là:

- ▶ Nhà máy Xi măng Vạn Ninh tại thị xã Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;
- ▶ Xí nghiệp Tiêu thụ tại tổ 24 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; và
- ▶ Xí nghiệp Đá xây dựng Hòa Phát tại 185 Lê Trọng Tấn, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 511 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 505).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán cho công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế vật tư và phương pháp kê khai định kỳ để hạch toán cho nguyên vật liệu, sản phẩm sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước dài hạn; và
- ▶ Tiền thuê văn phòng trả trước dài hạn.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo Hợp đồng thuê đất số 03/2009/HĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 4 năm 2009 và Phụ lục hợp đồng số 09B/2012/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 5 năm 2012 ký với Công ty Cổ phần đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng trong thời hạn 38 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Phí gia công

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và Công ty nhận được biên bản bàn giao, nghiệm thu từ khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. SÁP NHẬP CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ XÂY DỰNG HÒA PHÁT

Ngày 19 tháng 9 năm 2014, Công ty đã ký Hợp đồng Sáp nhập với Công ty Cổ phần Đá Xây dựng Hòa Phát ("Công ty Đá Hòa Phát"). Theo đó, các cổ phần hiện tại của Công ty Đá Hòa Phát sẽ được chuyển đổi thành cổ phần của Công ty theo tỷ lệ 1:1. Sau khi hoàn tất giao dịch hoán đổi cổ phiếu, Công ty Đá Hòa Phát sẽ được sáp nhập vào Công ty.

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 29/NQ/XMHV-HĐQT thông qua dự thảo Điều lệ Công ty hình thành sau sáp nhập và nội dung Hợp đồng Sáp nhập.

Vào ngày 26 tháng 9 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty Đá Hòa Phát cũng ban hành Nghị quyết số 182/NQ-HĐQT thông qua dự thảo Điều lệ Công ty hình thành sau sáp nhập và nội dung Hợp đồng Sáp nhập.

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 302/QĐ-SGDHN về việc hủy niêm yết cổ phiếu HPS của Công ty Đá Hòa Phát vào ngày 30 tháng 5 năm 2016.

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2016, Công ty đã phát hành 1.565.250 cổ phiếu để hoán đổi với toàn bộ cổ phiếu của Công ty Đá Hòa Phát với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu (*Thuyết minh số 20.1*).

Công ty Đá Hòa Phát đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục đóng mã số thuế tại cơ quan đã cấp mã số thuế và trả con dấu cho cơ quan cấp dấu.

Vào ngày 21 tháng 6 năm 2016, Công ty đã gửi Công văn số 751/XMHV-TCKT lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Công ty đã chào bán thành công 1.565.250 cổ phiếu ra công chúng dưới hình thức phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần.

Ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã ký Biên bản nhận bàn giao toàn bộ tài sản, công nợ và người lao động từ Công ty Đá Hòa Phát và hoàn tất giao dịch sáp nhập.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

5. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	577.760.983	253.297.859
Tiền gửi ngân hàng (*)	13.575.512.688	26.103.710.217
Tiền gửi tại Công ty tài chính (**)	4.464.149	4.305.527
TỔNG CỘNG	14.157.737.820	26.361.313.603

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

(**) Đây là khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam không kỳ hạn tại Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) với mức lãi suất 1%/năm (Thuyết minh số 27).

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:		
- Sáp nhập doanh nghiệp qua việc phát hành cổ phiếu	15.652.500.000	-
- Bù trừ khoản phải thu về cho vay với nợ phải trả	5.000.000.000	10.000.000.000
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	58.950.000.000	386.700.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	702.014.220.579	1.297.243.853.888

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**6.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu của khách hàng (*)	35.329.783.561	68.946.066.243
- Cty TNHH Thịnh Phú Cường	6.520.801.927	13.515.391.561
- Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Nghệ Giang	-	14.351.839.399
- Công ty CP Công nghệ phẩm Đà Nẵng	5.713.776.778	5.713.776.778
- Các khoản phải thu khách hàng khác	23.095.204.856	35.365.058.505
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	<u>77.844.134.372</u>	<u>17.012.530.718</u>
TỔNG CỘNG	<u>113.173.917.933</u>	<u>85.958.596.961</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (**)	(6.827.784.189)	(4.409.832.014)

(*) Công ty đã sử dụng phần lớn các khoản phải thu của khách hàng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày trong Thuyết minh số 19.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Dự phòng phải thu khó đòi đầu năm (**)	4.409.832.014	642.871.469
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.937.396.511	4.015.960.545
Tăng do sáp nhập Công ty Đá Hòa Phát	516.906.328	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(36.350.664)</u>	<u>(249.000.000)</u>
Dự phòng phải thu khó đòi cuối năm	<u>6.827.784.189</u>	<u>4.409.832.014</u>

(**) Công ty đã thực hiện điều chỉnh số dư Dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015 trên cơ sở hồi tố (*Thuyết minh số 32*).

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	939.400.000	1.374.900.000
- Công ty CP Thương mại ô tô Long Biên	580.000.000	580.000.000
- Công ty CP công nghệ mới Kim Tụ Tháp Việt Nam	-	300.000.000
- Công ty CP Cơ khí Phú Xuân	-	330.000.000
Các khoản trả trước khác	359.400.000	164.900.000
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	500.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.439.400.000	1.374.900.000
Dự phòng trả trước khó thu hồi	(31.500.000)	(31.500.000)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước khó thu hồi:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số dự dự phòng đầu năm	31.500.000	31.500.000
Cộng: Trích lập dự phòng trong năm	210.000.000	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(210.000.000)	-
Số dự dự phòng cuối năm	31.500.000	31.500.000

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoản cho Doanh nghiệp tư nhân Dũng Hòa ("Doanh nghiệp Dũng Hòa") vay tín chấp. Hàng tháng, Doanh nghiệp Dũng Hòa phải thanh toán cho Công ty lãi suất đối với số tiền đã tạm ứng theo mức lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bắc Quảng Bình. Số tiền gốc đã được khấu trừ vào số tiền cước vận chuyển clinker trong quý 4 năm 2016.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị (*)	Dự phòng (*)
Tạm ứng hợp đồng xây lắp nhà máy xi măng Hải Vân với Công ty TNHH MTV Xây dựng Quảng Nam trước cổ phần hóa	3.585.012.557	(3.585.012.557)	3.585.012.557	(3.585.012.557)
Phải thu Công ty TNHH Thăng Long tiền bán xi măng phục vụ công tác xây dựng trường dân lập Chu Văn An	424.926.750	(424.926.750)	424.926.750	(424.926.750)
Cho vay clinker	8.093.883.120	-	2.703.985.787	-
Phải thu tiền bảo hiểm được bồi thường	638.528.564	-	-	-
Ký quỹ hoàn nguyên môi trường tại Công ty Đá Hòa Phát	588.748.039	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	228.952.910	-	182.062.609	-
Phải thu khác	556.167.483	-	103.470.367	-
TỔNG CỘNG	14.116.219.423	(4.009.939.307)	6.999.458.070	(4.009.939.307)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	6.022.332.459	(4.009.939.307)	4.295.335.249	(4.009.939.307)
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh 27)</i>	8.093.886.964	-	2.704.122.821	-

(*) Công ty đã ghi nhận lại một số khoản phải thu khác và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tương ứng đã được xóa sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với cùng tổng số tiền là 4.009.939.307 VND theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015 trên cơ sở hồi tố (Thuyết minh số 32).

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

Đối tượng nợ	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Lãi trả chậm phát sinh nhưng không được ghi nhận	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Lãi trả chậm phát sinh nhưng không được ghi nhận
Công ty CP Công nghệ phẩm Đà Nẵng (*)	5.713.776.777	-	2.113.095.141	5.713.776.777	1.738.666.896	1.256.028.624
Công ty TNHH MTV Xây dựng Quảng Nam	3.585.012.557	-	-	3.585.012.557	-	-
Công ty TNHH Thăng Long	424.926.750	-	-	424.926.750	-	-
Các đối tượng khác	1.263.295.859	117.788.447	-	712.222.133	246.000.000	-
Tổng cộng	10.987.011.943	117.788.447	2.113.095.141	10.435.938.217	1.984.666.896	1.256.028.624

(*) Khoản phải thu với số tiền 5.713.776.777 VND từ Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Đà Nẵng phát sinh từ năm 2013. Thời gian thanh toán theo Quyết định số 72/2014/QĐST-KDTM của Tòa án nhân dân quận Hải Châu cho phép Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Đà Nẵng được thanh toán muộn nhất là ngày 30 tháng 10 năm 2014. Ngày 3 tháng 11 năm 2014, Công ty có thỏa thuận với Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Đà Nẵng gia hạn thời gian trả nợ tới tháng 5 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản phải thu nêu trên đã quá hạn 36 tháng tính từ ngày quá hạn gốc.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng (Trình bày lại)
Hàng mua đang đi đường	1.332.349.908	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	27.458.279.377	-	25.866.671.983	-
Phụ tùng sửa chữa, thay thế	26.471.797.494	-	19.951.274.741	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.797.091.391	-	49.854.160.389	-
Thành phẩm	7.765.572.734	-	14.380.871.283	-
Công cụ dụng cụ	444.858.010	-	206.933.766	-
Hàng tồn kho khác	420.292.892	-	742.564.546	-
TỔNG CỘNG (*)	121.690.241.806	-	111.002.476.708	-

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Số dự phòng đầu năm (**)	-	5.658.508.961
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm (**)	-	(5.658.508.961)
Số dự phòng cuối năm	-	-

(**) Công ty đã thực hiện điều chỉnh số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015 trên cơ sở hồi tố (Thuyết minh số 32).

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm (Trình bày lại) (*)	498.496.611.511	632.534.096.829	20.530.467.038	5.703.570.266	1.157.264.745.644
- Mua trong năm	-	5.932.040.909	-	815.210.000	6.747.250.909
- Tặng do sáp nhập Công ty Đá Hòa Phát	398.414.569	18.520.757.412	1.185.258.434	-	20.104.430.415
Số cuối năm	498.895.026.080	656.986.895.150	21.715.725.472	6.518.780.266	1.184.116.426.968
Trong đó:					
- Đã khấu hao hết	9.343.404.669	154.059.237.807	8.815.364.419	4.167.019.584	176.385.026.479
Giá trị hao mòn lũy kế:	-	-	-	-	-
Số đầu năm (Trình bày lại) (*)	127.793.375.942	230.590.575.569	12.502.830.513	4.942.365.769	375.829.147.793
- Khấu hao trong năm	18.547.020.905	28.212.109.907	1.588.301.001	308.839.333	48.656.271.146
- Tặng do sáp nhập Công ty Đá Hòa Phát	318.731.655	14.064.397.293	852.300.149	-	15.235.429.097
Số cuối năm	146.659.128.502	272.867.082.769	14.943.431.663	5.251.205.102	439.720.848.036
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm (Trình bày lại) (*)	370.703.235.569	401.943.521.260	8.027.636.525	761.204.497	781.435.597.851
Số cuối năm	352.235.897.578	384.119.812.381	6.772.293.809	1.267.575.164	744.395.578.932
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (**)	335.088.158.787	373.570.970.986	4.076.272.572	-	712.735.402.345

(*) Công ty đã thực hiện điều chỉnh và phân loại lại nguyên giá và khấu hao lũy kế tương ứng của một số tài sản cố định hữu hình theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015 trên cơ sở hồi tố (Thuyết minh số 32).

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, dây chuyền sản xuất clinker với giá trị còn lại là khoảng 712,7 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền khai thác mỏ đá vôi	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm (Trình bày lại) (*)	5.398.490.788	125.222.630	5.523.713.418
Tăng trong năm	-	-	-
Số cuối năm	5.398.490.788	125.222.630	5.523.713.418
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	-	125.222.630	125.222.630
Giá trị hao mòn:			
Số đầu năm (Trình bày lại) (*)	535.155.372	107.055.966	642.211.338
Hao mòn trong năm	179.949.696	18.166.664	198.116.360
Số cuối năm	715.105.068	125.222.630	840.327.698
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm (Trình bày lại) (*)	4.863.335.416	18.166.664	4.881.502.080
Số cuối năm	4.683.385.720	-	4.683.385.720
<i>Trong đó:</i>			
Tài sản sử dụng để thế chấp (**)	4.683.385.720	-	4.683.385.720

(*) Công ty đã điều chỉnh phân loại chi phí thăm dò mỏ đá vôi và khấu hao lũy kế tương ứng từ tài sản cố định hữu hình sang tài sản cố định vô hình theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015 trên cơ sở hồi tố (Thuyết minh số 32).

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, quyền khai thác mỏ đá vôi đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại) (*)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án phần mềm Oracle	9.063.715.302	9.063.715.302	8.763.715.302	8.763.715.302
Chi phí thăm dò mỏ sét (*)	2.857.656.199	2.857.656.199	3.055.236.636	3.055.236.636
Dự án trạm trung chuyển xi măng tại Quy Nhơn	117.450.000	117.450.000	-	-
Dự án nhà máy xi măng Thăng Lợi	1.268.696.594	1.268.696.594	1.378.391.140	1.378.391.140
TỔNG CỘNG	13.307.518.095	13.307.518.095	13.197.343.078	13.197.343.078

(*) Công ty đã thực hiện điều chỉnh phân loại chi phí thăm dò mỏ sét từ tài sản cố định hữu hình sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015 trên cơ sở hồi tố (Thuyết minh số 32).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các chi phí thăm dò mỏ sét đang được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí thuê dây chuyền xi măng	1.125.000.004	725.000.004
Chi phí trả trước khác	-	102.104.151
TỔNG CỘNG	1.125.000.004	827.104.155
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	3.894.001.039	4.039.573.203
Công cụ, dụng cụ xuất dùng sửa chữa lớn	2.330.858.679	3.979.743.636
Chi phí giải phóng mặt bằng (**)	30.039.318.700	29.310.734.750
Chi phí trả trước dài hạn khác	78.303.893	17.900.000
TỔNG CỘNG	36.342.482.311	37.347.951.589

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, toàn bộ giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại nhà máy xi măng Hải Vân đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

(**) Theo các Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015, 1054/QĐ-UBND ngày 2 tháng 10 năm 2015 và 155/QĐ-UBND ngày 17 tháng 2 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, Ủy ban Nhân dân huyện Quảng Ninh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng để di dời các hộ dân bị ảnh hưởng ô nhiễm môi trường xung quanh nhà máy xi măng Vạn Ninh với tổng số tiền là 30.077.690.000 VND. Theo Quyết định số 665/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình ngày 30 tháng 6 năm 2015, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân xã Vạn Ninh có trách nhiệm phối hợp với Công ty để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư và thực hiện các trình tự, thủ tục bàn giao mặt bằng cho Công ty.

Bên cạnh đó, theo Công văn số 1381/VPUBND-KTTH của Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 24 tháng 7 năm 2015, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình đồng ý chủ trương cho Công ty được thuê bổ sung diện tích đất khu vực giải tỏa xung quanh nhà máy để tiếp tục thực hiện dự án nhà máy xi măng Vạn Ninh và được khấu trừ tiền đất theo quy định với chi phí giải phóng mặt bằng đã phát sinh.

Căn cứ theo Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016 ban hành bởi UBND tỉnh Quảng Bình, Công ty được thuê lại tổng diện tích 89,297.7m² sử dụng vào mục đích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (trồng cây xanh tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường xung quanh khuôn viên Nhà máy xi măng Vạn Ninh) với thời hạn thuê đất đến ngày 6 tháng 6 năm 2058. Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân huyện Quảng Ninh để hoàn tất hợp đồng thuê đất dài hạn.

Công ty đang thực hiện cản trừ tạm thời số tiền giải phóng mặt bằng theo Thông báo nộp tiền thuê đất từng lần ban hành bởi Tổng cục thuế tỉnh Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	83.547.328.420	83.547.328.420	50.193.902.051	50.193.902.051
- Công ty TNHH MTV Hùng Trường	16.504.722.960	16.504.722.960	-	-
- Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI	10.949.941.875	10.949.941.875	1.064.871.662	1.064.871.662
- Công ty TNHH Vĩnh Phước	7.014.253.855	7.014.253.855	8.998.028.670	8.998.028.670
- Phải trả đối tượng khác	49.078.409.730	49.078.409.730	40.131.001.719	40.131.001.719
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	106.773.792.671	106.773.792.671	45.330.179.174	45.330.179.174
TỔNG CỘNG	190.321.121.091	190.321.121.091	95.524.081.225	95.524.081.225

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng (*)	1.332.665.687	19.724.251.285	20.954.063.384	102.853.588
Thuế tài nguyên (*)	408.248.581	3.841.069.384	3.882.271.735	367.046.230
Phí bảo vệ môi trường (*)	361.057.910	3.142.278.483	3.303.372.833	199.963.560
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.377.861.209	2.468.816.085	3.846.677.294	-
Các khoản khác	6.002.022	7.130.624.284	7.121.279.792	15.346.514
TỔNG CỘNG	3.485.835.409	36.307.039.521	39.107.665.038	685.209.892

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	1.752.651.310	1.089.533.736	-	2.842.185.046
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	158.711.487	289.661.036	-	448.372.523
Thuế phải thu khác	-	45.637.585	-	45.637.585
TỔNG CỘNG	1.911.362.797	1.424.832.357	-	3.336.195.154

(*) Công ty đã thực hiện điều chỉnh các nghĩa vụ thuế phải nộp cho năm 2015 theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015 trên cơ sở hồi tố (Thuyết minh số 32)

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay phải trả	6.627.791.720	3.947.310.198
Tiền điện phải trả	2.037.481.220	2.774.763.200
Chi phí gia công xi măng	940.000.000	-
Chi phí dịch vụ tư vấn	234.090.909	184.090.909
Chi phí phải trả khác	816.687.560	208.459.092
TỔNG CỘNG	<u>10.656.051.409</u>	<u>7.114.623.399</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	8.485.495.853	4.684.067.843
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh 27)</i>	2.170.555.556	2.430.555.556

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả tiền giải phóng tàu nhanh	780.000.000	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội	635.326.592	708.099.187
Phải trả chi phí hỗ trợ hộ nghèo	200.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	190.937.934	-
TỔNG CỘNG	<u>1.806.264.526</u>	<u>708.099.187</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	1.606.264.526	708.099.187
<i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh 27)</i>	200.000.000	-

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (*)	105.922.154.749	105.922.154.749	515.071.053.769	(555.324.220.579)	65.668.987.939	65.668.987.939
Vay dài hạn đến hạn trả (**)	25.993.332.000	25.993.332.000	14.000.000.000	(25.993.332.000)	14.000.000.000	14.000.000.000
	131.915.486.749	131.915.486.749	529.071.053.769	(581.317.552.579)	79.668.987.939	79.668.987.939
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (**)	386.206.668.000	386.206.668.000	52.000.000.000	(134.696.668.000)	303.510.000.000	303.510.000.000
	386.206.668.000	386.206.668.000	52.000.000.000	(134.696.668.000)	303.510.000.000	303.510.000.000
TỔNG CỘNG	518.122.154.749	518.122.154.749	581.071.053.769	(716.014.220.579)	383.178.987.939	383.178.987.939

(*) Đây là các kế ước vay ngắn hạn theo hai hợp đồng tín dụng để thanh toán cho các nhà cung cấp. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/256993/HĐTD ký ngày 1 tháng 7 năm 2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình, lãi suất được xác định trong từng kế ước vay cụ thể và lãi suất của các kế ước hiện tại là 5%/ năm. Thời hạn các khoản vay là 72 ngày kể từ ngày giải ngân và sẽ đáo hạn trước hoặc trong tháng 2 năm 2017. Cũng theo hợp đồng này, các kế ước vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng toàn bộ Dự án đầu tư nhà máy Xi măng Vạn Ninh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi, toàn bộ tài sản ngắn hạn luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty và toàn bộ số dư tiền gửi, các nguồn thu của Công ty tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác.
- Hợp đồng số 02/2015-HĐTDHM/NHCT480-VICEM HAI VAN ký ngày 27 tháng 10 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng, lãi suất được xác định cho từng kế ước vay và lãi suất của các kế ước vay hiện tại là 5%/năm. Thời hạn các khoản vay là 5 tháng kể từ ngày giải ngân và sẽ đáo hạn trước hoặc trong tháng 5 năm 2017. Cũng theo hợp đồng này, các kế ước vay ngắn hạn được đảm bảo bằng quyền đòi nợ theo từng khách hàng cụ thể.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay dài hạn và vay dài hạn đến hạn trả được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình với tư cách là Ngân hàng Đầu mối, Đại lý nhận tài sản bảo đảm và Bên cho vay (với số tiền là 152.000.000.000 VND) và Ngân hàng liên Doanh Việt Nga – Chi nhánh Đà Nẵng với tư cách là Bên cho vay (với số tiền là 100.000.000.000 VND)	248.000.000.000	Thời hạn cho vay là 144 tháng kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2015 đến ngày 17 tháng 12 năm 2027. Trả nợ gốc định kỳ vào ngày 1 tháng 2, tháng 5, tháng 8 và tháng 11 bắt đầu từ ngày 1 tháng 2 năm 2016. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 15 các tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10.	Lãi suất huy động vốn kỳ hạn 12 tháng tại ngày điều chỉnh công biên độ từ 2% tới 2,8%/năm. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần vào tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10. Lãi suất áp dụng cho kỳ hiện tại là 8,7%/năm.	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/256993/HDDA với tổng giá trị ước tính là 344.660.000.000 VND bao gồm: Các quyền sử dụng đất được UBND tỉnh Quảng Bình cấp tại Nhà máy Vạn Ninh, Nhà máy xi măng Vạn Ninh và các hạng mục công trình liên quan đến Dự án Nhà máy xi măng Vạn Ninh, tất cả quyền lợi ích, các khoản bồi hoàn, bảo hiểm và các khoản thanh toán khác có thể trao đổi thay thế. Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015/256993/HDDA với tổng giá trị ước tính là 467.320.000.000 VND bao gồm: các Hợp đồng Được thế chấp, Hợp đồng Bảo hiểm và tiền thu được từ các Hợp đồng Bảo hiểm, các Tài khoản và số dư trên các tài khoản, Máy móc thiết bị, các Chấp thuận, toàn bộ tài sản, doanh thu, thu nhập, lợi nhuận, các khoản phải thu khác và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan đến Dự án Nhà máy Vạn Ninh. Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2015/256993/HDBD với tổng giá trị ước tính là 1.800.000.000 VND bao gồm: Quyền khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3163/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên môi trường cấp ngày 30/12/2014 và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan.
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>12.000.000.000</i>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình	24.000.000.000	Thời hạn cho vay là 87 tháng từ ngày 16 tháng 10 năm 2015 đến ngày 1 tháng 11 năm 2022. Trả gốc định kỳ 3 tháng vào các ngày 1 các tháng 2, tháng 5, tháng 8 và tháng 11 bắt đầu từ ngày 1 tháng 2 năm 2016. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 15 các tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10.	Lãi suất huy động vốn kỳ hạn 12 tháng tại ngày điều chỉnh công biên độ từ 2 đến 2,8%/năm. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần vào tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10. Lãi suất áp dụng cho kỳ hiện tại là 9,1%/năm.	Vay tín chấp
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>2.000.000.000</i>			

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay dài hạn và vay dài hạn đến hạn trả được trình bày như sau (tiếp theo):

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	45.510.000.000	Thời gian cho vay là 120 tháng từ 29 tháng 12 năm 2015 đến ngày 24 tháng 7 năm 2025. Trả nợ gốc định kỳ vào ngày 5 tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12 bắt đầu từ ngày 5 tháng 3 năm 2016. Lãi vay thanh toán 3 tháng một lần tính từ ngày giải ngân đầu tiên.	Lãi suất huy động vốn kỳ hạn 12 tháng tại ngày điều chỉnh cộng biên độ 2,3%/năm đối với năm thứ 1 và 2,5%/năm đối với các năm tiếp theo. Được điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào các tháng 2, tháng 5, tháng 8 và tháng 11. Lãi suất áp dụng cho kỳ hiện tại là 9,1%/năm.	<ul style="list-style-type: none"> • Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hai Van với tổng giá trị ước tính là 127.830.000.000 VND bao gồm: Các tài sản gắn liền với thửa đất Phân xưởng 1, Phân xưởng 2 bao gồm các khu nhà làm việc, nhà nghỉ, nhà kho, xi lô.. và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan tại Nhà máy xi măng Hải Vân. • Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hai Van với tổng giá trị ước tính là 27.256.000.000 VND bao gồm: các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan tại Nhà máy xi măng Hải Vân. • Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hai Van với tổng giá trị ước tính là 3.165.000.000 VND bao gồm: các xe xúc chuyên dụng và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan tại Nhà máy xi măng Hải Vân. • Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hai Van với tổng giá trị ước tính là 975.000.000 VND bao gồm: xe ô tô 16 chỗ các thiết bị đi kèm, các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan. • Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015-HĐTC/NHCT480-VICEM HAI VAN với tổng giá trị ước tính là 57.469.000.000 VND bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Dây chuyền máy móc thiết bị tại Phân xưởng 2 bao gồm 1 cụm khí nén, cụm L,M, N, P, hệ thống điều khiển, silo xi măng, silo thạch cao và phụ gia, silo clinker và phễu tiếp liệu; ✓ Quyền và lợi ích của công ty phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm; ✓ Tất cả quyền tài sản, lợi ích các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán lên quan đến tài sản nêu trên.
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-			
TỔNG CỘNG	317.510.000.000			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>14.000.000.000</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>303.510.000.000</i>			

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	399.600.000.000	3.665.134	4.233.797.232	11.113.936.703	414.951.399.069
- Lợi nhuận trong năm (Trình bày lại) (**)	-	-	-	8.124.581.922	8.124.581.922
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(560.000.000)	(560.000.000)
- Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(140.000.000)	(140.000.000)
Số cuối năm (Trình bày lại) (**)	399.600.000.000	3.665.134	4.233.797.232	18.538.518.625	422.375.980.991
Năm nay					
Số đầu năm (Trình bày lại) (**)	399.600.000.000	3.665.134	4.233.797.232	18.538.518.625	422.375.980.991
- Tăng vốn (*)	15.652.500.000	(876.500.000)	-	-	14.776.000.000
- Lỗi chuyển sang từ Công ty Đá Hòa Phát	-	-	-	(6.261.000.000)	(6.261.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (***)	-	-	-	(820.460.000)	(820.460.000)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	17.833.257.385	17.833.257.385
Số cuối năm	415.252.500.000	(872.834.866)	4.233.797.232	29.290.316.010	447.903.778.376

(*) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2016, Công ty đã nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu để hoán đổi số 17/GCN-UBCK của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận cho Công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, ngày 31 tháng 5 năm 2016, Công ty đã phát hành 1.565.250 cổ phiếu để hoán đổi với tổng mệnh giá là 15.652.500.000 VND. Chi phí phát hành cổ phiếu phát sinh là 876.500.000 VND.

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2016, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần thứ 6 phê duyệt tăng vốn điều lệ lên 415.252.500.000 VND do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

20. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(**) Công ty đã thực hiện điều chỉnh lợi nhuận của năm 2015 theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015 trên cơ sở hồi tố. Chi tiết các thay đổi được trình bày trong Thuyết minh số 32.

(***) Ngày 12 tháng 5 năm 2016, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 27NQ/XMHV-ĐHĐCĐ, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trích sử dụng lợi nhuận để lại của năm 2015 để trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 280.000.000 VND. Ngoài ra, Công ty đã trích thêm quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 540.460.000 VND tương ứng với 10% lợi nhuận để lại của năm 2015 tăng lên theo kết quả Kiểm toán Nhà nước cho năm 2015 (Thuyết minh số 32).

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	314.557.600.000	314.557.600.000	-	305.877.600.000	305.877.600.000	-
Vốn góp của cổ đông khác	100.694.900.000	100.694.900.000	-	93.722.400.000	93.722.400.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	(872.834.866)	(872.834.866)	-	3.665.134	3.665.134	-
TỔNG CỘNG	414.379.665.134	414.379.665.134	-	399.603.665.134	399.603.665.134	-

Đơn vị tính: VND

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	399.600.000.000	399.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	15.652.500.000	-
Vốn góp cuối năm	415.252.500.000	399.600.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

20. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**20.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	41.525.250	415.252.500.000	39.960.000	399.600.000.000
Cổ phiếu đã niêm yết	36.960.000	369.600.000.000	36.960.000	369.600.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.960.000	369.600.000.000	36.960.000	369.600.000.000
Cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.525.250	415.252.500.000	39.960.000	399.600.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.525.250	415.252.500.000	39.960.000	399.600.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Năm 2015: 10.000 VND/cổ phiếu).

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2016, Công ty đã phát hành 1.565.250 cổ phiếu để hoán đổi với toàn bộ cổ phiếu của Công ty Đá Hòa Phát. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số cổ phiếu này chưa được niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	959.494.060.305	888.573.171.900
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán xi măng</i>	808.137.315.690	821.189.832.052
<i>Doanh thu bán clinker</i>	118.558.198.404	22.482.125.251
<i>Doanh thu gia công xi măng</i>	21.900.188.612	16.145.976.476
<i>Doanh thu thương mại</i>	5.505.562.801	25.803.943.935
<i>Doanh thu khác</i>	5.392.794.798	2.951.294.186
Các khoản giảm trừ doanh thu	(27.535.192.120)	(57.189.370.474)
Chiết khấu thương mại	(27.535.192.120)	(57.189.370.474)
Doanh thu thuần	931.958.868.185	831.383.801.426
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán xi măng</i>	780.786.300.070	764.695.094.042
<i>Doanh thu thuần từ bán clinker</i>	118.558.198.404	22.456.133.537
<i>Doanh thu thuần từ gia công xi măng</i>	21.900.188.612	16.145.976.476
<i>Doanh thu thuần từ thương mại</i>	5.321.386.301	25.135.303.185
<i>Doanh thu khác thuần</i>	5.392.794.798	2.951.294.186
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần nội bộ</i>	281.437.253.826	48.661.929.357
<i>Doanh thu thuần khác</i>	650.521.614.359	782.721.872.069

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Giá vốn bán xi măng	692.499.999.623	675.190.550.641
Giá vốn bán clinker	109.500.359.739	20.913.715.646
Giá vốn gia công xi măng	15.769.516.463	10.863.745.286
Giá vốn bán hàng thương mại	4.990.913.974	23.875.794.421
Giá vốn khác	6.318.884.571	2.982.216.036
Thay đổi dự phòng hàng tồn kho	-	(5.658.508.961)
TỔNG CỘNG	829.079.674.370	728.167.513.069

Công ty đã thực hiện điều chỉnh giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp theo kết quả Kiểm toán Nhà nước cho năm 2015 trên cơ sở hồi tố (Thuyết minh số 32).

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	37.275.776.295	39.244.308.651
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.615.399	13.297.678.511
TỔNG CỘNG	37.277.391.694	52.541.987.162

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	11.153.233.188	10.080.732.346
Chi phí tư vấn bán hàng	2.664.418.733	2.395.080.827
Chi phí quảng cáo	1.502.649.224	1.661.987.321
Chi phí hỗ trợ tiêu thụ	1.431.327.108	2.679.491.933
Chi phí bán hàng khác	1.156.508.917	1.098.943.068
	17.908.137.170	17.916.235.495
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm (*)		
Chi phí lương quản lý	14.754.396.025	9.731.803.556
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.901.045.847	3.766.960.545
Chi phí tư vấn quản lý doanh nghiệp	2.664.418.733	2.395.080.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.431.661.843	3.435.889.952
Chi phí khấu hao	1.016.491.931	1.043.331.952
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.712.707.113	4.949.398.469
	27.480.721.492	25.322.465.301
TỔNG CỘNG	45.388.858.662	43.238.700.796

(*) Công ty đã thực hiện điều chỉnh chi phí quản lý doanh nghiệp theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015 trên cơ sở hồi tố (Thuyết minh số 32).

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	545.413.294.590	500.369.931.869
Chi phí nhân công	73.471.951.586	65.520.108.866
Chi phí khấu hao và hao mòn	47.640.563.145	48.202.400.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.262.643.993	115.854.023.618
Chi phí khác	44.391.292.553	45.822.600.384
TỔNG CỘNG	827.179.745.867	775.769.065.320

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Thuế suất thuế TNDN cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	2.468.816.085	1.377.861.208
TỔNG CỘNG	2.468.816.085	1.377.861.208

(*) Công ty đã thực hiện điều chỉnh chi phí thuế TNDN theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015 trên cơ sở hồi tố (Thuyết minh số 32).

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	20.302.073.470	9.502.443.130
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (Thuế suất áp dụng trong năm 2015 là 22%)	4.060.414.694	2.090.537.489
Các điều chỉnh tăng	278.043.518	90.491.446
Thù lao Hội đồng Quản trị không tham gia trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh	18.480.000	23.595.000
Tiền phạt thuế	55.620.864	-
Lỗi ghi nhận từ Đá Hòa Phát trong tháng 7 năm 2016	97.250.190	-
Chi hỗ trợ không được khấu trừ khác	106.692.464	66.896.446
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.869.642.127)	(803.167.727)
Lỗi được bù trừ vào thu nhập chịu thuế	(1.869.642.127)	(803.167.727)
Chi phí thuế TNDN	2.468.816.085	1.377.861.208

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	1.580.000.000	21.027.927.992
		Phí tư vấn quản trị doanh nghiệp và phí tư vấn bán hàng (*)	5.328.837.466	4.790.161.654
		Doanh thu bán xi măng và vận chuyển	256.579.500	-
		Vay ngắn hạn	-	350.000.000.000
		Trả tiền vay ngắn hạn	-	350.000.000.000
		Chi phí lãi vay	-	2.430.555.556
		Trả tiền lãi vay ngắn hạn	1.200.000.000	-
		Chi phí hỗ trợ huyện nghèo	200.000.000	-
		Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	9.551.436.905	-
		Thanh toán phí tư vấn	2.298.726.698	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua xi măng thương mại	-	2.769.029.527
		Doanh thu gia công xi măng	499.636.323	5.148.618.322
		Nhận tiền gia công xi măng	2.917.258.895	-

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Doanh thu gia công xi măng và vận chuyển	5.038.108.937	-
		Chi phí gia công xi măng	6.963.522.724	-
		Chi phí vận chuyển xi măng	1.947.391.908	-
		Mua xi măng thương mại	777.954.545	-
		Nhận tiền phí gia công xi măng	2.603.882.200	-
		Chuyển trả tiền mua xi măng	1.000.000.000	-
		Bù trừ công nợ	2.938.035.600	-
		Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán clinker
Doanh thu gia công xi măng	13.673.607.239			9.124.267.244
Mua xi măng thương mại	1.936.027.606			12.577.543.390
Cho vay clinker	10.286.999.001			6.125.578.309
Nhận clinker trả vay	4.897.101.668			3.421.592.522
Nhập mua clinker	42.343.081.636			-
Thu tiền phí gia công xi măng	2.000.000.000			-
Thu tiền bán clinker	40.000.000.000			-
Bù trừ công nợ	48.707.020.166			-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty			Mua vật tư
		Doanh thu bán xi măng	140.567.034.231	9.215.923.143
		Bù trừ công nợ	60.874.842.803	9.351.805.777
		Nhận tiền bán xi măng	85.400.000.000	-
		Chuyển trả tiền mua vật liệu	1.500.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Lãi tiền gửi	33.948	7.429.620
		Trả tiền lãi vay dài hạn	-	4.332.486.108
		Trả gốc vay dài hạn	-	40.000.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi	Cùng chung chủ sở hữu	Chuyển trả tiền mua nhà máy xi măng Áng Sơn II	7.000.000.000	23.069.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	109.309.898.196	-
		Chuyển trả tiền mua nguyên vật liệu	65.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Doanh thu bán xi măng	-	3.364.942.048
		Doanh thu phí cầu bờ	39.361.920	-
		Mua nguyên vật liệu	16.249.442.410	-
		Chuyển trả tiền mua vật liệu	4.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Doanh thu gia công xi măng	2.804.727.272	1.873.090.910
		Nhập mua cát	-	18.818.182
		Nhận tiền gia công xi măng	5.145.600.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Chi phí quảng cáo	-	500.000.000
		Mua xi măng thương mại	9.160.909.098	-
		Chuyển trả tiền mua xi măng thương mại	4.000.000.000	-
		Thanh toán tiền quảng cáo	-	1.100.000.000
		Bù trừ công nợ	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Nhập mua vỏ bao bì	1.800.000.000	-
		Chi phí vận chuyển	14.258.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ long	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Nhập mua clinker	1.396.827.727	-
		Chi phí gia công xi măng	940.000.000	-
		Chuyển trả tiền mua clinker	1.536.510.500	-
Nhà máy vật liệu chịu lửa kiểm tính Việt nam	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	7.286.915.400	-
		Chuyển trả tiền mua nguyên vật liệu	2.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty (trước ngày 1 tháng 7 năm 2016)	Nhập mua đá	5.062.709.175	20.598.245.051
		Nhập mua nhiên liệu và phụ gia	7.481.254	1.916.745.556

(*) Đây là khoản phí phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - Công ty mẹ của Công ty để thực hiện tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty bí quyết quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh và tư vấn hỗ trợ bán hàng. Công ty đã ghi nhận các khoản chi phí nêu trên trong kỳ báo cáo.

Công ty bán hàng cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường trừ đi chiết khấu hàng bán theo chính sách bán hàng của Công ty. Công ty mua hàng và dịch vụ từ các bên liên quan theo mức giá thông thường trên thị trường.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Cho năm tài kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (31 tháng 12 năm 2015: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền gửi, phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tiền (Thuyết minh số 5)				
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền gửi thanh toán	4.464.149	4.305.527
			4.464.149	4.305.527
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng	-	2.367.658.895
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng	-	2.060.400.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền thu bán clinker và gia công xi măng	67.332.403.257	12.584.471.823
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền bán xi măng	10.511.731.115	-
			77.844.134.372	17.012.530.718
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Tư vấn đầu tư phát triển xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tạm ứng lập báo cáo khảo sát	500.000.000	-
			500.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Cho vay clinker	8.093.883.120	2.703.985.787
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Lãi tiền gửi dự thu	3.844	137.034
			8.093.886.964	2.704.122.821

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	55.240.888.017	-
Công ty Cổ phần Vicem thạch cao xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	13.864.672.176	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn quản trị doanh nghiệp và phí tư vấn bán hàng, mua nguyên vật liệu	9.720.446.742	14.253.126.631
Công ty Cổ Phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua xi măng thương mại	6.719.720.496	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền tài trợ quảng cáo	550.000.000	550.000.000
		Mua xi măng thương mại	6.077.000.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi	Cùng chung chủ sở hữu	Tiền chuyển nhượng nhà máy Áng Sơn II	6.000.000.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu, nhiên liệu	-	3.866.506.940
Nhà máy vật liệu chịu lửa kiểm tính việt nam	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	5.315.606.940	-
Công ty Cổ phần Thương mại DV vận tải xi măng Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền vận chuyển xi măng	1.289.774.500	-
Công ty Cổ phần Vicem bao Bì Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	1.995.683.800	-
Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vật tư	-	13.660.545.603
			106.773.792.671	45.330.179.174
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Lãi vay phải trả	1.230.555.556	2.430.555.556
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ long	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng	940.000.000	-
			2.170.555.556	2.430.555.556

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</i>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phải trả chi phí hỗ trợ huyện nghèo	200.000.000	-
			200.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao cho Hội đồng Quản trị		348.140.000	311.600.000
Lương và thưởng cho Ban Tổng Giám đốc		1.657.000.000	1.507.691.243
TỔNG CỘNG		2.005.140.000	1.819.291.243

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	17.833.257.385	8.124.581.922
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(820.460.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>17.833.257.385</u>	<u>7.304.121.922</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	40.877.708	39.960.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	436	183
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	436	183

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 27NQ/XMHV- ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2016, các điều chỉnh liên quan đến lợi nhuận của năm 2015 và khoản trích thêm quỹ khen thưởng phúc lợi theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015. Lợi nhuận thuần sau thuế đã điều chỉnh hồi tố như được trình bày trong thuyết minh số 32.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty chỉ có một khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam.

Đồng thời, Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm từ xi măng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các cam kết liên quan đến các khoản tiền thuê đất, phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và thuê khai thác đá vôi phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Hợp đồng thuê đất tại nhà máy xi măng Vạn Ninh

Ngày 28 tháng 10 năm 2013, Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất số 147/HĐTĐ, 148/HĐTĐ, 149/HĐTĐ, 150/HĐTĐ và 151/HĐTĐ với bên cho thuê đất là UBND tỉnh Quảng Bình đại diện là Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thuê các thửa đất số 309 (149.781 m²), số 311 và 312 (10.300 m²), số 320 (20.137,3 m²), số 321 (5.414,3 m²), với thời gian thuê đất từ năm 2013 tới năm 2060. Theo quyết định số 21/QĐ-CT của Tổng cục thuế Quảng Bình, Công ty được miễn tiền thuê đất đối với các thửa đất số 309, 311 và 312 đến hết tháng 12 năm 2018, được miễn tiền thuê đất đối với các thửa đất số 320 và 321 đến hết tháng 8 năm 2020. Tiền thuê đất các năm tiếp theo sẽ được thực hiện theo thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế tỉnh Quảng Bình ấn định tại năm phát sinh.

Hợp đồng thuê đất tại nhà máy xi măng Hải Vân

Theo hợp đồng số 05/2007/HĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 1 năm 2007, Phụ lục hợp đồng số 05/2011/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 7 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 6 năm 2013 giữa Công ty và bên cho thuê đất là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng, Công ty đã thuê 27.426m² tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với thời hạn thuê đất 39 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 1 tháng 1 năm 2045 và đơn giá thuê đất là 4.830 đồng/m²/năm. Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ trả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo phụ lục 09A/2012/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 5 năm 2012 là 2.520 đồng/m²/năm.

Theo hợp đồng số 03/2009/HĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 4 năm 2009 giữa Công ty và bên cho thuê đất là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng Công ty đã thuê diện tích đất 11.425 m² tại vị trí lô G, đường số 3, Khu Công nghiệp Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với thời hạn thuê đất 38 năm từ ngày 10 tháng 4 năm 2009 đến ngày 10 tháng 4 năm 2047. Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ trả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo phụ lục hợp đồng số 09B/2012/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 5 năm 2012 là 4.200 đồng/m²/năm.

Hợp đồng thuê nhà xưởng, dây chuyền nghiền xi măng tại nhà máy xi măng Vạn Ninh

Theo hợp đồng số 01/2014/HĐKT ngày 8 tháng 9 năm 2014 giữa Công ty và công ty TNHH XNK Máy móc và Thiết bị Trường Giang, Công ty đã thuê lại toàn bộ nhà xưởng, dây chuyền nghiền xi măng PCB30 và PCB40 (đồng bộ), với công suất máy nghiền 7-9 tấn/giờ, năng suất tương đương 45.000 tấn/năm. Thời hạn thuê theo hợp đồng là 10 năm từ ngày 1 tháng 2 năm 2015 (ngày bàn giao nhà xưởng và dây chuyền nghiền). Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng với mức phí 4,3 tỷ VND/năm trong 5 năm đầu tiên và 3,5 tỷ VND/năm trong 5 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)***Cam kết thuê hoạt động (tiếp theo)******Hợp đồng thuê hoạt động khác***

Công ty hiện đang thuê mặt bằng tại cảng Quy Nhơn theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	469.800.000	-
Trên 1 – 5 năm	1.879.200.000	-
Trên 5 năm	2.231.550.000	-
TỔNG CỘNG	4.580.550.000	-

Cam kết về nghĩa vụ khôi phục hiện trạng của các mỏ khoáng sản

Theo Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2011 của UBND tỉnh Quảng Bình, UBND tỉnh Quảng Bình đã phê duyệt nội dung Dự án Cải tạo, phục hồi môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và khai thác mỏ đá vôi Đông Nam Lèn Áng” của Công ty với tổng kinh phí là 863.237.074 đồng Việt Nam (ký quỹ trong vòng 30 năm khai thác theo giấy phép). Số tiền ký quỹ được nộp hàng năm theo thông báo của Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Bình với số tiền ký quỹ lần đầu là 129.485.561 VND và 25.301.776 VND cho những năm tiếp theo kể từ năm 2013. Tính tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thực hiện ký quỹ số tiền là 230.692.664 VND.

Cam kết và nợ tiềm tàng về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư Dự án nhà máy Xi măng Áng Sơn II số 207 ngày 31 tháng 1 năm 2013, Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi đã chuyển nhượng cho Công ty quyền khai thác khoáng sản của các mỏ đá vôi, đá sét, quặng sắt, cao silic làm nguyên liệu sản xuất từ ngày 7 tháng 1 năm 2013.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3163/GP-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, Công ty được phép tiếp tục khai thác đá vôi làm nguyên liệu xi măng bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực Đông Nam Lèn Áng, xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình với thời hạn khai thác đến ngày 25 tháng 4 năm 2042. Cũng theo Giấy phép trên, tổng số tiền Công ty phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 22.492.697.000 VND chia làm 24 lần nộp, mỗi năm nộp 937.195.000 VND bắt đầu từ năm 2014. Tính tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã thanh toán số tiền 937.195.000 VND cho năm 2016.

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP (“Nghị định 203”) ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014), đơn vị khai thác khoáng sản có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính trên trữ lượng khoáng sản được cấp phép khai thác còn lại từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 (ngày có hiệu lực của Luật Khoáng sản 2010). Do Công ty được chuyển nhượng quyền khai thác mỏ đá vôi từ Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi từ ngày 7 tháng 1 năm 2013 nên Công ty sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả phí cấp quyền khai thác khoáng sản kể từ ngày 7 tháng 1 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**Cam kết và nợ tiềm tàng về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (tiếp theo)**

Theo Quyết định số 1898/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 5 tháng 9 năm 2014, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng đã khai thác từ ngày 25 tháng 4 năm 2012 đến 31 tháng 12 năm 2013 là 829.826.000 VND tạm thời chưa thu theo ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất khoáng sản. Do vậy, Công ty trình bày khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ ngày 7 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là một khoản nợ tiềm tàng của Công ty cho đến khi có các Quyết định tiếp theo của Thủ tướng chính phủ.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải trả trong tương lai theo quy định tại Nghị định 203 được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	937.195.000	937.195.000
Trên 1 – 5 năm	3.748.780.000	3.748.780.000
Trên 5 năm	14.995.127.000	15.932.322.000
TỔNG CỘNG	19.681.102.000	20.618.297.000

Nợ tiềm tàng về nghĩa vụ thuế tài nguyên

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình và Ủy ban Nhân dân tỉnh Đà Nẵng ban hành theo các Quyết định lần lượt là Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2013 và Quyết định số 42/2015/QĐ- Ủy ban Nhân dân ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	327.078.859	81.521.597
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	8.326	3.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

32. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG**Trình bày lại dữ liệu tương ứng do điều chỉnh hồi tố dựa trên kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm 2015**

Công ty thực hiện các điều chỉnh theo kết quả Kiểm toán nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở hồi tố. Theo đó, một số dữ liệu tương ứng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại trên báo cáo tài chính năm hiện tại cho phù hợp với kết luận tại Biên bản Kiểm toán nhà nước. Các điều chỉnh chủ yếu như sau:

		Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Phải thu ngắn hạn khác	[1]	2.989.518.763	4.009.939.307	6.999.458.070
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	[1], [2]	(5.608.621.232)	(2.842.650.089)	(8.451.271.321)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	[3]	(5.290.108.131)	5.290.108.131	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	[4]	419.985.622	1.332.665.688	1.752.651.310
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	[5], [6]	1.165.718.473.068	(8.453.727.424)	1.157.264.745.644
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	[5], [6]	(376.676.963.591)	847.815.798	(375.829.147.793)
Nguyên giá tài sản cố định vô hình	[5]	125.222.630	5.398.490.788	5.523.713.418
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình	[5]	(107.055.966)	(535.155.372)	(642.211.338)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	[6]	10.142.106.442	3.055.236.636	13.197.343.078
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	[4], [7], [8]	627.207.367	2.858.628.042	3.485.835.409
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	[9]	2.880.486.501	5.244.095.421	8.124.581.922
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	[3], [6], [7]	(733.622.180.480)	5.454.667.411	(728.167.513.069)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	[2]	(26.489.754.519)	1.167.289.218	(25.322.465.301)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	[8]	-	(1.377.861.208)	(1.377.861.208)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

32. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
Lợi nhuận trước thuế		2.880.486.501	6.621.956.629	9.502.443.130
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	[6]	48.515.061.009	(312.660.426)	48.202.400.583
Các khoản dự phòng	[2], [3]	4.565.848.933	(6.252.006.460)	(1.686.157.527)
Tăng các khoản phải thu	[4]	(16.102.192.285)	(1.332.665.688)	(17.434.857.973)
Tăng các khoản phải trả	[4], [7]	12.321.466.580	1.275.375.944	13.596.842.524

		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
THUYẾT MINH CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ				
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	[3], [7]	505.511.938.854		500.369.931.869
Chi phí khấu hao và hao mòn	[6]	48.515.061.009		48.202.400.583
Chi phí khác	[2]	46.989.889.602		45.822.600.384

- [1] Ghi nhận lại khoản phải thu ngắn hạn khác và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đã được xóa sổ trong năm 2015 với số tiền 4.009.939.307 VND;
- [2] Hoàn nhập dự phòng trích lập cho khoản phải thu khó đòi từ Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Đà Nẵng với số tiền 1.167.289.218 VND;
- [3] Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 5.290.108.131 VND;
- [4] Phân loại lại thuế giá trị gia tăng được khấu trừ ở Quảng Bình và thuế GTGT phải nộp ở Đà Nẵng với số tiền 1.332.665.688 VND;
- [5] Phân loại chi phí thăm dò mỏ đá vôi và khấu hao lũy kế tương ứng từ tài sản cố định hữu hình sang tài sản cố định vô hình với số tiền là 5.398.490.788 VND và 535.155.372 VND;
- [6] Phân loại chi phí thăm dò mỏ sét, mỏ sắt và mỏ cát silic từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang và ghi giảm khấu hao lũy kế tương ứng với số tiền là 3.055.236.636 VND và 312.660.426 VND;
- [7] Ghi nhận chi phí thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường cho phần đá vôi và đá phụ phẩm đã khai thác với số tiền lần lượt là 71.340.056 VND và 76.761.090 VND;
- [8] Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tương ứng với các điều chỉnh nêu trên với số tiền là 1.377.861.208 VND;
- [9] Điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2015 tương ứng với các điều chỉnh nêu trên.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Người lập
Trương Văn Tuấn



Phụ trách kế toán
Trương Văn Tuấn



Tổng Giám đốc
Trần Văn Khôi



Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017